TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q.THANH KHÊ TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2025/KDTM-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2024/TLST - KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2025; Quyết định đưa hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty X**. Địa chỉ trụ sở: Số F đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Thu T - chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1975; địa chỉ liên hệ: Số I đường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 07/10/2024), có mặt.

* Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T2**. Địa chỉ trụ sở: Số K đường N, phường V, quận T. Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Hồng D - chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/4/2023, giữa Công ty X (bên B) và Công ty TNHH MTV T2 (bên A) đã ký kết Hợp đồng số 01/04/23/HĐMBHH-TS. Theo đó, bên A và bên B đã thống nhất thỏa thuận: Bên B sẽ cung cấp cho bên A một số hàng hóa là dây cáp điện với tổng giá trị tiền hàng sau thuế là 944.208.533đ.

Theo như thỏa thuận của Hợp đồng tại điểm 2.3 Điều 2 về phương thức thanh toán thì "bên A thanh toán hết giá trị 100% của hợp đồng, tương đương số tiền 944.208.433đ cho bên B". Tuy nhiên, sau nhiều lần bên B đề nghị bên A thanh toán thì đến nay bên A chỉ thanh toán được 300.000.000đ, còn nợ số tiền 644.208.533đ.

Vào ngày 30/12/2023, Công ty TNHH MTV T2 có Công văn số 21/CV/KVT về cam kết thanh toán. Theo đó, Công ty TNHH MTV T2 cam kết từ tháng 01/2024 đến tháng 3/2024 mà Công ty không thanh toán hết số tiền còn lại thì sẽ chịu phạt lãi suất 20% trên số công nợ còn lại và chấp nhận để Công ty chúng tôi xử lý theo quy định. Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH MTV T2 vẫn không thực hiện theo thỏa thuận,

Do đó, Công ty X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV T2 thanh toán cho Công ty X tổng số tiền 761.337.357 (Bảy trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ba bảy nghìn, ba trăm năm bảy đồng). Trong đó, tiền nợ theo hoá đơn đã khấu trừ là 644.208.533 đồng; tiền lãi chậm thanh toán 10% năm tính từ ngày 01.01.2024 đến ngày 10.3.2025 là 81.893.906đ đồng.

** Trong văn bản gửi Tòa án và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện Công ty TNHH MTV T2 trình bày:*

Về nội dung quan hệ mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV T2 và Công ty X thì chúng tôi thống nhất theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn.

Công ty TNHH MTV T2 xác nhận còn nợ tổng số tiền mua hàng (gồm gốc và lãi) là 761.337.357đ (Bảy trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ba bảy nghìn, ba trăm năm bảy đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng vì tình hình tài chính của Công ty chúng tôi gặp nhiều khó khăn, chưa thu hồi nợ được các bên liên quan nên không thể thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty X theo như thỏa thuận giữa các bên. Công ty TNHH MTV T2 đề nghị Công ty X tạo điều kiện về thời gian để Công ty T2 lấy tiền bên nhà thầu chính là C trả nợ cho Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty X với Công ty TNHH MTV T2 là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty TNHH MTV T2 vắng mặt lần thứ

hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 02.4.2023, Công ty X và Công ty TNHH MTV T2 đã ký hợp đồng kinh tế số 01/04/23HĐMBHH-TS để giao dịch mua bán một số hàng hóa phục vụ xây dựng các công trình. Theo thỏa thuận hợp đồng thì Công ty X bán cho Công ty T2 Trần các sản phẩm cáp điện có trị giá tổng cộng là 944.208.533đ. Hợp đồng này là hợp đồng kinh tế, phù hợp về hình thức, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia hợp đồng có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, trong nội dung của hợp đồng các bên đã thỏa thuận về khối lượng hàng hóa, đơn giá và phương thức thanh toán. Thực hiện các hợp đồng đã ký, Công ty X đã cung cấp đầy đủ các mặt hàng như đã thỏa thuận và được liệt kê trong hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty T2 đã không thanh toán đúng hạn số tiền mua hàng. Theo cam kết tại tiểu mục 2.2 Điều 2 của hợp đồng thì Công ty T2 phải thanh toán tiền trước khi nhận hàng. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận hàng nhưng Công ty T2 vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền theo giá trị hợp đồng mà chỉ thanh toán được 300 triệu đồng. Ngày 30/12/2023, Công ty T2 có văn bản xác nhận số tiền nợ còn lại 644.208.533đ, cam kết sẽ trả số tiền trên vào ngày 31.3.2024 nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, việc trả tiền hàng là nghĩa vụ của bên mua hàng, Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Công ty T2 Trần trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử áp dụng điều 50 Luật Thương mại để buộc Công Khánh Vy T1 phải trả cho Công ty X số tiền hàng còn nợ 644.208.533đ là có cơ sở.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10% năm trên số tiền nợ tính từ ngày 01.01.2024 đến ngày 10.3.2025 là 81.893.906đ đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 30/12/2023, Công ty T2 có văn bản xác nhận số tiền còn nợ Công ty X là 644.208.533đ, đồng thời cam kết sẽ trả số tiền trên vào ngày 31.3.2024, nếu không trả đúng hạn sẽ chịu phạt lãi suất 20% trên số công nợ. Đây là tự nguyện cam kết của bị đơn và bị đơn có trách nhiệm thực hiện, Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 10% năm trên số tiền chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp cam kết trên, phù hợp điều 306 Luật Thương mại nên cần thiết chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền buộc Công ty TNHH MTV T2 phải trả cho Công ty X là 726.610.439đ, trong đó 644.208.533đ tiền gốc và 81.893.906đ tiền lãi.

[3] Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn phải chịu là 20.000.000đ + (326.610.439đ x 4%) = 33.064.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Công ty xây lắp điện nước T đối với Công ty TNHH MTV T2.

2. Áp dụng: - Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 24, 34, 50 pvà 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*** Xử** : Buộc Công ty TNHH MTV T2 phải trả cho Công ty X điện nước T số tiền tổng cộng là 726.610.439đ, trong đó 644.208.533đ tiền gốc và 81.893.906đ tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH MTV T2 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.064.000 đồng, Công ty TNHH MTV T2 phải chịu. Hoàn trả cho Công ty X 17.226.747 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005934 ngày 01.11.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;

- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường